

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 2281/SVHTT-QLTDTT

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2021


V/v báo cáo đánh giá
phong trào TDTT quần chúng theo
Thông tư 01/2019/TT-BVHTTDL

Kính gửi: UBND các quận, huyện, thị xã thành phố Hà Nội.

Ngày 17 tháng 01 năm 2019, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư số 01/2019/TT-BVHTTDL về việc quy định về đánh giá phong trào Thể dục thể thao quần chúng. Để kịp thời tham mưu UBND thành phố báo cáo kết quả đánh giá về Tổng cục Thể dục thể thao; Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội đề nghị UBND các quận, huyện, thị xã, phối hợp triển khai thực hiện một số nội dung sau:



- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn rà soát, thống kê các số liệu về thể thao quần chúng theo quy định và gửi báo cáo UBND quận, huyện, thị xã.

- Chỉ đạo phòng Văn hóa Thông tin các quận, huyện, thị xã tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát thống kê của các xã, phường, thị trấn và hoàn thiện báo cáo của cấp quận, huyện, thị xã báo cáo thành phố (theo mẫu gửi kèm). Báo cáo gửi về Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội, địa chỉ: số 47 Hàng Dầu, Hoàn Kiếm, Hà Nội trước ngày 05/11/2021 (qua Phòng Quản lý Thể dục Thể thao, email: pqltdtt_sovhtt@hanoi.gov.vn) để tổng hợp báo cáo UBND Thành phố, Tổng cục Thể dục Thể thao theo quy định.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- BGĐ Sở;
- Lưu VT,QLTDTT.

GIÁM ĐỐC


Đỗ Đình Hồng

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số **2281**/SVHTT-QLTDTT ngày **16** tháng **9** năm 2021 của Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN, HUYỆN, TX CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /BC-UBND ngày.....tháng.....năm 2021

BÁO CÁO SỐ LIỆU

**Đánh giá phong trào thể dục, thể thao quần chúng
trên địa bàn quận, huyện, thị xã năm 2021**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội

TT	Nội dung	Chỉ số năm liền trước năm đánh giá	Chỉ số năm đánh giá	Chỉ số phần trăm đầu năm đánh giá	Tỷ lệ so sánh	
(a)	(b)	©	(d)	(đ)	(e) = (d) - (c)	(g) = (d) : (đ) x 100(%)
I	Số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên					
1.1	Tổng số dân trên địa bàn					
1.2	Tổng số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên					
1.3	Tỷ lệ % = (Tổng số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên/tổng số dân trên địa bàn x 100(%))					
II	Số gia đình thể thao					
2.1	Tổng số hộ gia đình trên địa bàn					
2.2	Tổng số gia đình thể thao					
2.3	Tỷ lệ = (Tổng số gia đình thể thao/tổng số hộ gia đình trên địa bàn) x 100 (%)					
III	Số cộng tác viên thể dục, thể thao					
3.1	Tổng số cộng tác viên thể dục, thể thao thực hiện nhiệm vụ được giao					
3.2	Tỷ lệ % = (tổng số cộng tác viên thể dục, thể thao/tổng số dân trên địa bàn) x 100(%)					

IV	Số câu lạc bộ thể thao					
4.1	Tổng số câu lạc bộ thể thao cơ sở ở khu dân cư					
4.2	Tổng số câu lạc bộ thể thao cơ sở ở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp					
4.3	Tổng số cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao trên địa bàn					
4.4	Tổng số câu lạc bộ thể thao cơ sở và cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao trên địa bàn (tổng các mục 4.1; 4.2 và 4.3)					
V	Số công trình thể thao					
5.1	Tổng số nhà tập luyện, nhà thi đấu thể thao (tổng các mục 5.1.1 và 5.1.2)					
5.1.1	Tổng số nhà tập luyện, thi đấu thể thao đa năng					
5.1.2	Tổng số nhà tập luyện, thi đấu thể thao đơn môn					
5.2	Tổng số bể bơi (tổng các mục 5.2.1; 5.2.2 và 5.2.3)					
5.2.1	Tổng số bể bơi có chiều dài 50m					
5.2.2	Tổng số bể bơi có chiều dài 25m					
5.2.3	Tổng số các loại bể bơi khác					
5.3	Tổng số sân tập luyện, thi đấu thể thao ngoài trời (tổng các mục 5.3.1; 5.3.2; 5.3.3; 5.3.4; 5.3.5; 5.3.6; 5.3.7 và 5.3.8)					
5.3.1	Tổng số sân vận động có khán đài					
5.3.2	Tổng số sân vận động không có khán đài					
5.3.3	Tổng số sân Bóng đá mi ni					
5.3.4	Tổng số sân Bóng chuyền					
5.3.5	Tổng số sân Bóng rổ					
5.3.6	Tổng số sân Cầu lông					
5.3.7	Tổng số sân Quần vợt					
5.3.8	Tổng số các loại sân tập luyện, thi đấu thể thao khác					
5.4	Tổng số công trình thể thao đang sử dụng cho hoạt động thể dục, thể thao trên địa bàn (tổng các mục 5.1; 5.2 và 5.3)					

VI	Số giải thể thao tổ chức hàng năm:					
6.1	Tổng số giải thể thao quần chúng do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tổ chức					
6.2	Tổng số giải thể thao quần chúng do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tổ chức					
6.3	Tổng số giải thể thao quần chúng do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học, đơn vị lực lượng vũ trang và các tổ chức khác tổ chức					
6.4	Tổng số giải thể thao quần chúng được tổ chức trên địa bàn (tổng các mục 6.1; 6.2; và 6.3)					

Nơi nhận:

Như trên;

Lưu VT,...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

(Chữ ký, dấu)